

Số: 1412 -CV/TĐTN – BTH
“V/v thực hiện phong trào Kế hoạch nhỏ
năm học 2016 - 2017”

Cao Bằng, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: Ban Thường vụ các huyện, thành Đoàn, Đoàn trực thuộc.

Thực hiện Công văn số 198 - CV/HĐĐTW ngày 25/8/2016 của Hội đồng Đội Trung ương về việc triển khai phong trào Kế hoạch nhỏ năm học 2016 - 2017, Chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2016 - 2017, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn triển khai thực hiện phong trào Kế hoạch nhỏ năm học 2016 - 2017. Trong đó, đề nghị các đơn vị lưu ý một số nội dung như sau:

1. Phong trào Kế hoạch nhỏ phải thực sự đạt mục tiêu, ý nghĩa giáo dục, phát huy tinh thần "*Tuổi nhỏ, làm việc nhỏ*", nâng cao ý thức tiết kiệm, tình yêu lao động, trách nhiệm cộng đồng, ý thức bảo vệ môi trường, thúc đẩy thiếu nhi tích cực tham gia các hoạt động mang lại lợi ích xã hội. Tuyệt đối không thu tiền trực tiếp từ đoàn viên, thanh niên, đội viên, thiếu nhi hoặc cha mẹ học sinh.

2. Nội dung và hình thức triển khai phong trào: Các đơn vị vận dụng thực hiện theo hướng dẫn số 80-HD/TĐTN - BTH ngày 04/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Cao Bằng về triển khai phong trào Kế hoạch nhỏ năm học 2015 - 2016.

3. Định hướng thực hiện các công trình măng non từ sản phẩm, kết quả của phong trào "*Kế hoạch nhỏ*" năm học 2016 - 2017: tùy theo khả năng và nguồn thu đạt được để đăng ký đảm nhiệm công trình măng non, có thể theo 02 nội dung:

+ Đảm nhận chăm sóc, chỉnh trang các nghĩa trang, đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ (làm vệ sinh, sơn hoặc quét vôi, trồng cây, trồng hoa, đặt lọ hoa, ... các phần mộ liệt sĩ); tổ chức thăm hỏi, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng.

+ Đảm nhận xây dựng mô hình về phòng chống đuối nước hoặc tai nạn thương tích trẻ em (cắm biển cảnh báo, phương tiện cứu sinh, mở lớp dạy bơi, lập đội thanh niên xung kích nhắc nhở an toàn và cứu hộ,...).

4. Về tỉ lệ trích nộp:

- *Cấp Liên đội*: Giữ lại tại chỗ 60% tổng kinh phí thu được để thực hiện công trình măng non theo chủ đề trên hoặc ủng hộ, hỗ trợ cho đội viên, thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học giỏi tại Liên đội; mua sắm trang thiết bị, tài liệu phục vụ hoạt động Đội tại Liên đội.

- *Cấp huyện*: giữ lại 20% kinh phí để xây dựng công trình măng non cấp huyện, 20% trích nộp kinh phí về cấp tỉnh.

- *Cấp tỉnh*: giữ lại 15% kinh phí để xây dựng công trình măng non cấp tỉnh, 5% trích nộp lên cấp trung ương.

(*Có biểu số liệu gửi kèm. Biểu số liệu được cập nhật từ Sở Giáo dục & đào tạo, Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh Đoàn*).

Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đề nghị Ban Thường vụ các huyện, Thành Đoàn, Đoàn trực thuộc nghiêm túc triển khai, thực hiện trích nộp về Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn qua bộ phận Kế toán (Văn phòng Tỉnh Đoàn) trước ngày **30/5/2017**; báo cáo việc thực hiện phong trào "*Kế hoạch nhỏ*" trong báo cáo tổng kết công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2016 - 2017.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT + BTH.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN
PHÓ BÍ THƯ



Tô Phương Chi

BCH ĐOÀN TỈNH CAO BẰNG

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Cao Bằng, ngày 28 tháng 02 năm 2017

DANH SÁCH PHÂN BỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHỎ NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo Công văn số: 1412-CV/TĐTN - BTH ngày 28/02/2017)

ST T	Đơn vị	Tổng số đoàn viên, thanh thiếu nhi		Số giấy phải thu		Tổng số kg giấy của đơn vị	Phần trăm trích nộp về tỉnh = 20%		Ghi chú
		Đội viên, thiếu niên nhi đồng	Đoàn viên	Đội viên, thiếu niên nhi đồng (1kg/1 em)	Đoàn viên (2kg/1 ĐVTN)		Số giấy (Đơn vị: kg)	Thành tiền (đồng)	
1	Bảo Lạc	7.802	3.486	7.802	6.972	14.774	2.954,8	7.091.520	
2	Bảo Lâm	9.901	2.802	9.901	5.604	15.505	3.101,0	7.442.400	
3	Hòa An	4.881	2.215	4.881	4.430	9.311	1.862,2	4.469.280	
4	Thành phố	7.914	2.180	7.914	4.360	12.274	2.454,8	5.891.520	
5	Hà Quảng	4.438	2.693	4.438	5.386	9.824	1.964,8	4.715.520	
6	Thông Nông	3.398	2.051	3.398	4.102	7.500	1.500,0	3.600.000	
7	Trà Lĩnh	2.653	1.693	2.653	3.386	6.039	1.207,8	2.898.720	
8	Trùng Khánh	5.338	2.917	5.338	5.834	11.172	2.234,4	5.362.560	
9	Quảng Uyên	3.998	2.667	3.998	5.334	9.332	1.866,4	4.479.360	
10	Hạ Lang	2.641	1.805	2.641	3.610	6.251	1.250,2	3.000.480	
11	Phục Hòa	2.273	1.661	2.273	3.322	5.595	1.119,0	2.685.600	
12	Thạch An	3.019	1.780	3.019	3.560	6.579	1.315,8	3.157.920	
13	Nguyên Bình	5.223	2.554	5.223	5.108	10.331	2.066,2	4.958.880	
14	Đoàn khối CCQ tỉnh		2.916		5.832	5.832	1.166,4	2.799.360	
15	Đoàn Khối DN tỉnh		963		1.926	1.926	385,2	924.480	

16	Công an		658		1.316	1.316	263,2	631.680	
17	Quân sự		409		818	818	163,6	392.640	
18	Biên phòng		412		824	824	164,8	395.520	
19	CĐSP		907		1.814	1.814	362,8	870.720	
Tổng số:		63.479	36.769	63.479	73.538	137.017	27.403,4	65.768.160	

(Giá bình quân: 2.400đ/1kg)